

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 120/2024/DS-PT

Ngày 03/12/2024

“*V/v tranh chấp
hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Tiến Dũng.
2. Ông Trần Văn Thường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Hoàng Hải Ly- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03/12/2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2024/TLPT-DS ngày 02/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DSST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2024/QĐ-PT ngày 30/10/2024, quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2024/QĐ-PT ngày 12/11/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B (BV B1). Địa chỉ: Tòa nhà H, số D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Xuân N. Địa chỉ: C đường Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (theo Giấy ủy quyền số 742/2023/UQ-BV Bank ngày 01/11/2023). Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Dương Xuân H và bà Nguyễn Thị H1. Cùng địa chỉ: Tổ A, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện tại: 26 Á, phường T, P, Gia Lai (Ông H có mặt, bà H1 vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Dương Xuân H, bà Nguyễn Thị H1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP B (viết tắt là BV B1) và ông Dương Xuân H, bà Nguyễn Thị H1 ký hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 1062200005400 ngày 29/08/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng Đ 10622000077TD ngày 07/10/2022. Theo đó, ông H, bà H1 đã vay của BV B1 cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân ngày 29/08/2022, số tiền nợ gốc: 735.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 01/7/2024, gồm nợ lãi trong hạn: 40.440.763đồng, lãi quá hạn + lãi phạt trả chậm: 132.512.345đồng. Tổng cộng: 911.960.027đ.

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 07/10/2022. Số tiền nợ gốc: 32.976.792đồng và lãi tạm tính đến ngày 01/7/2024, gồm nợ lãi thẻ tín dụng + phí thẻ: 17.882.004đồng.

Để đảm bảo khoản vay trên ông H, bà H1 đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1062200005500 ngày 29/08/2022, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CN 275594 (do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp cho bà Hoàng Thị L ngày 16/8/2018, chỉnh lý chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H1 ngày 16/3/2022) thừa đất số 259, tờ bản đồ số 16, diện tích 114,5m² đất ở, tại tổ A, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng C và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Từ ngày vay đến kỳ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký, BV B1 đã nhiều lần mời ông H, bà H1 đến làm việc để thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không đạt kết quả. Ông H, bà H1 thiếu thiện chí trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, BV B1 yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông Dương Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền: 962.818.823đ cho BV B1 và buộc bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền lãi, phí/phạt phát sinh kể từ ngày 02/7/2024 theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số ngày 29/08/2022 và Giấy nhận nợ số ngày 30/08/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số ngày 07/10/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì yêu cầu Tòa án tuyên BV B1 được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có quyền phát mãi tài sản bảo đảm đã ký kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ngày 29/08/2022 để thu hồi nợ.

2. Bị đơn ông Dương Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp và xác định ông H với bà H1 có quan hệ là vợ chồng; ông H, bà H1 đều đã

nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt, nhưng cả hai đều không đến Tòa án làm việc, nên không có lời khai trình bày tại hồ sơ vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2024/DSST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Buộc bị đơn ông Dương Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, tổng số tiền vay là: 962.818.823đ (*Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm mười tám nghìn, tám trăm hai ba đồng*), trong đó:

Vay theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 1062200005400 ngày 29/08/2022, cụ thể: Nợ gốc: 735.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 01/7/2024, gồm nợ lãi trong hạn: 40.440.763đồng, lãi quá hạn + lãi phạt trả chậm: 132.512.345đồng.

Vay theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 10622000077TD ngày 07/10/2022, cụ thể: Nợ gốc: 32.976.792đồng và lãi tạm tính đến ngày 01/7/2024, gồm nợ lãi thẻ tín dụng + phí thẻ: 17.882.004đồng.

Tiếp tục tính tiền nợ lãi, lãi phạt và phí phát sinh từ ngày 02/7/2024 theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 1062200005400 ngày 29/08/2022 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 10622000077TD ngày 07/10/2022 cho đến ngày bị đơn trả xong nợ gốc.

Trường hợp bị đơn không thanh toán nợ cho BV B1, thì BV B1 có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1062200005500 ngày 29/08/2022 giữa ông H, bà H1 đã ký với BV B1 để thu hồi nợ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng; thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2024 và ngày 19/8/2024 bị đơn ông Dương Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 kháng cáo với nội dung đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông H, bà H1 cho rằng họ đã làm đơn trình bày về việc gia đình có hoàn cảnh khó khăn; đã xin giảm lãi, phí phạt mà Ngân hàng không giải quyết và ép khách hàng mua bảo hiểm mới giải ngân món vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ kháng cáo.
- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 29/08/2022 Ngân hàng B1 và ông Dương Xuân H, bà Nguyễn Thị H1 ký Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 1062200005400, theo đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần B cho ông Dương Xuân H, bà Nguyễn Thị H1 vay 735.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 30/8/2022 đến ngày 30/8/2023); lãi suất 12%/năm cố định 3 tháng đầu.

[2.2] Tiếp đến, ngày 07/10/2022 Ngân hàng BV B1 và ông Dương Xuân H, bà Nguyễn Thị H1 ký Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng Đ, theo đó ngân hàng cho ông H và bà H1 vay thêm 32.976.792 đồng.

[2.3] Để đảm bảo cho khoản vay, ông H và bà H1 đã ký hợp đồng thế chấp, đã thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 275594 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ số 16, diện tích 114,5m² tại tổ A, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Hợp đồng được công chứng ngày 29/8/2022 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh thành phố P cùng ngày.

[2.4] Như vậy, hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng nêu trên ông H, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ; lẽ ra đến ngày 30/8/2023 bị đơn phải trả cho Ngân hàng B1 toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi của các hợp đồng này nhưng họ không thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết, vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi của các hợp đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Bên cạnh đó, Tòa án sơ thẩm còn tuyên nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản trong trường hợp không trả được nợ đối với tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là đúng bởi lẽ hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật.

[2.5] Bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng họ đã làm đơn trình bày về việc gia đình có hoàn cảnh khó khăn; đã xin giảm lãi, phí phạt mà Ngân hàng B1 không giải quyết mà còn ép khách hàng mua bảo hiểm mới giải ngân món vay.

Nhận thấy, nội dung kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Từ những phân tích, nhận định như trên cùng ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, thấy rằng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Dương Xuân H và bà Nguyễn Thị H1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 71/2024/DSST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, cụ thể:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Buộc bị đơn ông Dương Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, tổng số tiền vay là: 962.818.823đ (*Bằng chữ: Chín trăm sáu mươi hai triệu, tám trăm mười tám nghìn, tám trăm hai ba đồng*), trong đó:

Vay theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 1062200005400 ngày 29/08/2022, cụ thể: Nợ gốc: 735.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 01/7/2024, gồm nợ lãi trong hạn: 40.440.763đồng, lãi quá hạn + lãi phạt trả chậm: 132.512.345đồng.

Vay theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 10622000077TD ngày 07/10/2022, cụ thể: Nợ gốc: 32.976.792đồng và lãi tạm tính đến ngày 01/7/2024, gồm nợ lãi thẻ tín dụng + phí thẻ: 17.882.004đồng.

Tiếp tục tính tiền nợ lãi, lãi phạt và phí phát sinh từ ngày 02/7/2024 theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 1062200005400 ngày 29/08/2022 và Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản thanh toán và đăng ký dịch vụ Ngân hàng điện tử số 10622000077TD ngày 07/10/2022 cho đến ngày bị đơn trả xong nợ gốc.

Trường hợp bị đơn không thanh toán nợ cho BV B1, thì BV B1 có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

1062200005500 ngày 29/08/2022 giữa ông H, bà H1 đã ký với BV B1 để thu hồi nợ.

1.2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Dương Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 40.884.565 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi triệu, tám trăm tám mươi bốn ngàn, năm trăm sáu lăm đồng*).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 18.632.212đ (*Bằng chữ: Mười tám triệu, sáu trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm mười hai đồng*) theo biên lai số 0001006 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

1.3. Về tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là: 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng*), bị đơn ông Dương Xuân H và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu khoản chi phí này, (nguyên đơn đã tạm ứng nộp đủ). Buộc bị đơn phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Xuân H và bà Nguyễn Thị H2 chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo số 000345 ngày 26/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND TP Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS TP Pleiku, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Anh Tuấn

